

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 288/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06-6-2018

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tụ

2. Bà Nguyễn Đình Minh Phương

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1782/2017/HNST ngày 11 tháng 10 năm 2017 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1884/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 2329/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1988.

Địa chỉ thường trú: 165/39 C, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú hiện nay: 190/2 T, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (*Yêu cầu xét xử vắng mặt*).

- Bị đơn: Ông Thái Thanh T, sinh năm 1980.

Địa chỉ thường trú: 165/39 C, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn đề ngày 23 tháng 8 năm 2017, các bản khai tiếp theo và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 18 tháng 5 năm 2018, Bà Trần Thị Mỹ H là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và Ông Thái Thanh T chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 66/2015, quyển số 01/2015 do UBND Phường N, Quận M cấp ngày 02/4/2015. Sau khi kết hôn thì vợ chồng cư trú ở nhà bà tại 190/2 T, Phường B, Quận T. Trong thời gian chung sống do ông T chơi cờ bạc gây nợ nần nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã, bà nhiều lần khuyên can nhưng ông T không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày

càng trầm trọng. Đến ngày 07/8/2017 ông T đã bỏ về nhà cha mẹ tại Quận M sinh sống, không lui tới thăm con và từ đó vợ chồng không còn liên lạc, hiện ông T đang sống ở đâu bà không rõ. Bà nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung tên Thái Thanh H (Nam), sinh ngày 11/4/2016. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà H khai không có.

Ông Thái Thanh T là bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng thủ tục tố tụng; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, đối với bị đơn từ khi Tòa án thụ lý vụ án, hòa giải, xét xử công khai mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ nhưng đều vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thì Bà H và ông T tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 02/4/2015 theo Giấy chứng nhận kết hôn tại UBND Phường N, Quận M nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của Bà H thì quá trình chung sống bà và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông T hay cờ bạc nợ nần bên ngoài, mặc dù đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T không thay đổi. Tháng 8/2017 ông T đã chuyển về sinh sống ở nhà cha mẹ ruột và ly thân từ đó đến nay là phù hợp với kết quả xác minh của khu phố. Tại Khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình”, nhưng thực tế hai vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài, hơn nữa Tòa án đã tạo điều kiện hàn gắn nhưng ông T đều vắng mặt chứng tỏ ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 yêu cầu của Bà H là có cơ sở xem xét.

Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung là trẻ Thái Thanh H (nam) sinh ngày 11/4/2016, hiện đang sinh sống cùng Bà H. Để đảm bảo sự phát triển ổn định tinh thần của trẻ thì yêu cầu được trực tiếp nuôi con của Bà H là có cơ sở chấp nhận; ghi nhận sự tự nguyện của Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử:

Bà Trần Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu ly hôn với Ông Thái Thanh T. Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường N, Quận M ngày 08/12/2017 và Công an Phường B, Quận T ngày 23/4/2018; xác định Ông Thái Thanh T có địa chỉ nơi cư trú cuối cùng tại số 165/39 C, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập Ông Thái Thanh T tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Bà H cũng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Bà H và ông T theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Trần Thị Mỹ H yêu cầu được ly hôn với Ông Thái Thanh T; yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Thái Thanh H (Nam), sinh ngày 11/4/2016, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung khai không có. Quá trình chuẩn bị xét xử, Ông Thái Thanh T vắng mặt được xem là từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình.

Hội đồng xét xử xét thấy,

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ H và Ông Thái Thanh T chung sống vợ chồng đã được Ủy ban nhân dân Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 66/2015, quyển số 01/2015 ngày 02/4/2015 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay Bà H yêu cầu được ly hôn với ông T vì vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn nảy sinh do ông T không chăm lo cho gia đình, ham chơi cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, thực tế vợ chồng không còn sống chung từ khoảng tháng 8/2017, ông T bỏ về nhà cha mẹ sống, không lui tới thăm con và hiện nay Bà H không có biết ông T ở đâu.

Xét lời trình bày của Bà H phù hợp với kết quả xác minh của Công an Phường N, Quận M ngày 08/12/2017 và Công an Phường B, Quận T ngày 23/4/2018; ý kiến của đại diện tổ dân phố 67, khu phố 4, Phường B, Quận T (Biên bản xác minh có UBND Phường B, Quận T xác nhận ngày 23/4/2018), có cơ sở xác định trong thời gian chung sống vợ chồng Bà H và ông T cư trú tại 190/2 T, Phường B, Quận T; nhưng khoảng từ tháng 8/2017 thì ông T về sống ở nhà cha mẹ tại 165/39 C, Phường N, Quận M và đến tháng 9/2017 thì ông T vắng mặt tại địa phương. Việc ông T không duy trì liên lạc với Bà H, không lui tới thăm nom chăm sóc con là việc làm không phù hợp, làm ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa vợ chồng, hai bên không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, bền vững, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Bà H yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Theo trích lục khai sinh số 259/TLKS-BS ngày 14/4/2016 do UBND Phường N, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh cấp, xác định trẻ Thái Thanh H (nam), sinh ngày 11/4/2016 (Đăng ký khai sinh số 148/2016 ngày 14/4/2016) là con chung của Bà H và ông T.

Xét Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ Huy, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy, trẻ Huy từ khi sinh ra cho đến nay do Bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hiện ông T không lui tới thăm nom chăm sóc con nhưng Bà H vẫn đảm bảo nuôi dưỡng con phát triển tốt về mọi mặt. Hơn nữa trẻ vẫn còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của người mẹ nên yêu cầu được trực tiếp nuôi con của Bà H là có cơ sở chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà H khai không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 203, 264, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Bà Trần Thị Mỹ H được ly hôn với Ông Thái Thanh T.

Quan hệ hôn nhân giữa Bà Trần Thị Mỹ H và Ông Thái Thanh T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 66/2015, quyển số 01/2015 đăng ký do Ủy ban nhân dân Phường N, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 02/4/2015 chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao trẻ Thái Thanh H (nam), sinh ngày 11/4/2016 cho Bà Trần Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì sẽ bị người trực tiếp nuôi con yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Khi cần thiết, một trong hai bên đều có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Trần Thị Mỹ H phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0022073 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M ngày 10 tháng 10 năm 2017. Bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được thông đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Quận M;
- Chi cục THADS Quận M;
- TANDTP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- UBND Phường N, Q M, TPHCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Ánh